

Số: 2888/QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chi tiền hỗ trợ chi phí học tập kỳ I năm học 2025-2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/05/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của chính phủ. Quy định về mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-ĐHDL ngày 16/01/2020 của Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, được điều chỉnh bổ sung một số điều của Quy chế chi tiêu nội bộ theo Quyết định số 831/QĐ-ĐHDL ngày 27/5/2024;

Căn cứ biên bản số 2701/BB-ĐHDL ngày 30/10/2025 của Hội đồng miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập học kỳ I năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chi tiền hỗ trợ chi phí học tập theo Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg (có danh sách kèm theo) với tổng số tiền là: 98.280.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Điều 2. Thời gian chi tiền hỗ trợ chi phí học tập là 05 tháng của học kỳ I năm học 2025-2026.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Phòng CTSV; Phòng KH-TC; Phòng Quản lý đào tạo; các Khoa và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Lãnh PTĐ (02).



Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

(Kèm theo quyết định số 288/QĐ-ĐHDL ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Trường Đại học Điện lực)

TT	Mã Sinh viên	Họ và tên		Ngày tháng năm sinh	Tên lớp	Đối tượng	Lương cơ bản (VNĐ)	Tỷ lệ	Số tháng	Số tiền được nhận (VNĐ)
HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP (60% mức lương cơ sở)										
1	22810310018	Nông Đăng	Đích	20/11/2004	D17CNPM1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
2	24810170068	Hà Nguyễn Xuân	Huy	11/14/2006	D19DCN&DD1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
3	24819120095	Nguyễn Khánh	Toàn	09/04/2006	D19DIENLANH2	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
4	23810830218	Hoàng Thị Phương	Thảo	14/06/2005	D18KT&KS	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
5	23810810076	Lò Thị	Hạnh	25/07/2005	D18KTDN1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
6	23810840146	Hoàng Thùy	Linh	05/11/2005	D18NGANHANG	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
7	22810310019	Lò Văn	Anh	28/01/2004	D17CNPM1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
8	22810170107	Di A	Deo	05/10/2004	D17TDHHTD1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
9	21810180543	Giàng Văn	Giàng	05/07/2003	D16DCNDD1	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
10	21810110152	Lò Văn	Mạnh	10/20/2003	D16DCN&DD2	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
11	21810640316	Sần Xe	Xá	08/08/2003	D16QLDA&CTXD	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
12	25810610108	Bùi Mạnh	Tường	22/06/2007	D20CKCTM2	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
13	25810760043	Lương Như	Quỳnh	10/09/2007	D20MARKETING	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
14	25810110152	Lý A	Quản	17/07/2005	D20H2	Dân tộc + Hộ nghèo	2.340.000	60%	5	7.020.000
TỔNG										98.280.000
Số tiền bằng chữ: Chín mươi tám triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng./.										

NGƯỜI LẬP



Phạm Thị Diệu Linh

PHÒNG CTSV



Phùng Thị Xuân Bình

PHÒNG KH-TC



Lê Văn Nhất

HIỆU TRƯỞNG



★ Đinh Văn Châu

